

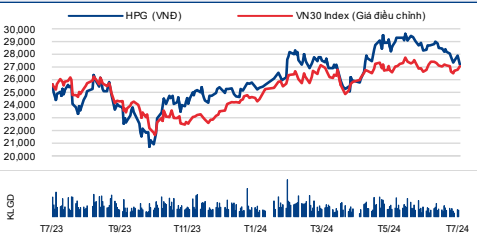
Mua vào

Giá mục tiêu: VND38,600
Tiềm năng tăng/giảm: 41.9%

Giá cổ phiếu (đồng) (31/7/2024)	27,200
Mã Bloomberg	HPG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	20,727-29,600
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	27,667
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	173,978
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	6,891
Slg CP lưu hành (tr.đv)	6,396
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	3,134
Slg CP NN được mua (tr.đv)	1,400
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	27.1%
Tỷ lệ freefloat	54.1%
Cổ đông lớn	Trần Đình Long (26.1%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	118,953	145,628	170,701
EBITDA đc (tỷ đồng)	16,443	25,255	32,647
LNTT (tỷ đồng)	7,793	15,294	19,194
LNT ĐC (tỷ đồng)	6,493	13,029	16,715
FCF (tỷ đồng)	(7,881)	(28,677)	(6,553)
EPS ĐC (đồng)	1,117	2,037	2,613
DPS (đồng)	0	500	1,000
BVPS (đồng)	17,674	19,013	21,126
T.trưởng EBITDA (%)	(17.3)	53.6	29.3
T.trưởng EPS ĐC (%)	(19.4)	82.4	28.3
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	100
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	13.8	17.3	19.1
Tỷ suất LNTT (%)	6.55	10.5	11.2
Tỷ suất LNT ĐC (%)	5.75	9.42	10.3
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	23.3	36.4
Nợ thuần/VCSH (%)	52.4	53.9	54.3
ROAE (%)	6.88	12.2	13.7
ROACE (%)	8.62	12.7	14.1
EV/doanh thu (lần)	1.59	1.54	1.34
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.5	8.88	7.03
P/E ĐC (lần)	24.4	13.4	10.4
P/B (lần)	1.54	1.43	1.29
Lợi suất cổ tức (%)	0	1.84	3.68

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Hòa Phát là Tập đoàn sản xuất công nghiệp hàng đầu Việt Nam với bốn mảng kinh doanh chính bao gồm: Thép xây dựng, Ống thép & Tôn, Bất động sản & Khu công nghiệp và Nông nghiệp.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q2/2024: Lợi nhuận HĐKD cốt lõi tăng 136% so với cùng kỳ, sát với dự báo

- Lợi nhuận thuần Q2/2024 tăng 127% so với cùng kỳ đạt 3,32 nghìn tỷ đồng trong khi doanh thu thuần tăng 34% so với cùng kỳ đạt 39,6 nghìn tỷ đồng. Nếu không tính đến chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho 159 tỷ đồng và lỗ tỷ giá 136 tỷ đồng trong kỳ, lợi nhuận từ HĐKD cốt lõi đạt 3,58 nghìn tỷ đồng, tăng 136% so với cùng kỳ và tăng 35% so với quý trước, sát với dự báo của HSC ở mức 3,5 nghìn tỷ.
- Việc sản lượng thép tiêu thụ tăng trưởng (tăng 39% so với cùng kỳ và 21% so với quý trước) cùng với tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện lên mức 13,3% (Q2/2023: 10,8%) đã giúp nâng cao lợi nhuận.
- Tính chung nửa đầu năm 2024, lợi nhuận thuần đạt 6,2 nghìn tỷ đồng, tăng 233% so với cùng kỳ và đạt 45% dự báo cho cả năm 2024 của HSC ở mức 13,7 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 101%).
- HSC duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 38.600đ (tiềm năng tăng giá 42%).

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2024

HPG đã công bố KQKD Q2/2024 với lợi nhuận thuần đạt 3,32 nghìn tỷ đồng – tăng 127% so với cùng kỳ và 16% so với quý trước – và doanh thu thuần đạt 39,6 nghìn tỷ đồng (tăng 34% so với cùng kỳ và tăng 28% so với quý trước). Trong kỳ, HPG ghi nhận chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho 159 tỷ đồng (so với 29 tỷ đồng hoàn nhập dự phòng trong Q2/2023) và lỗ tỷ giá 136 tỷ đồng (so với 97 tỷ đồng trong Q2/2023). Nếu không tính các khoản mục không thường xuyên này trong kỳ, lợi nhuận thuần từ HĐKD cốt lõi đạt 3,58 nghìn tỷ đồng, tăng 136% so với cùng kỳ và tăng 35% so với quý trước. Lợi nhuận thuần ghi nhận thấp hơn 5% so với dự báo của HSC trong khi lợi nhuận từ HĐKD cốt lõi sát với dự báo của chúng tôi ở mức 3,5 nghìn tỷ đồng.

Tính chung nửa đầu năm 2024, lợi nhuận thuần đạt 6,2 nghìn tỷ đồng, tăng 233% so với cùng kỳ và đạt 45% dự báo cho cả năm 2024 của HSC ở mức 13,7 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 101%); trong khi lợi nhuận từ HĐKD cốt lõi cũng đạt 6,2 nghìn tỷ đồng, tăng 5 lần so với cùng kỳ.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 1/8.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2024, HPG

Lợi nhuận Q2/2024 tăng mạnh nhờ sản lượng vững chắc & tỷ suất lợi nhuận mở rộng

Tỷ đồng	Q2/24	% so với cùng kỳ	% so với quý trước	6T2024	% so với cùng kỳ
Doanh thu thuần	39,556	34.1%	28.2%	70,408	25.5%
Lợi nhuận gộp	5,247	64.2%	26.3%	9,401	93.0%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	13.3%	+2.5 điểm %	-0.2 điểm %	13.4%	+4.7 điểm %
Lỗ tài chính	(420)	-31.0%	36.1%	(729)	-29.6%
Chi phí BH&QL	(1,136)	30.4%	18.6%	(2,094)	28.5%
Chi phí BH&QL/ Doanh thu	2.9%	-0.1 điểm %	-0.2 điểm %	3.0%	+0.1 điểm %
LNTT	3,733	119.4%	14.5%	6,994	213.1%
Lợi nhuận thuần	3,319	127.3%	15.6%	6,190	233.2%
Lợi nhuận cốt lõi	3,582	135.8%	35.1%	6,233	502.9%

Nguồn: HPG, HSC

Sản lượng thép tiêu thụ tăng trưởng mạnh, hỗ trợ doanh thu

HPG công bố doanh thu thuần Q2/2024 ấn tượng đạt 39,6 nghìn tỷ đồng, tăng 34% so với cùng kỳ và 28% so với quý trước, chủ yếu nhờ sự tăng trưởng mạnh mẽ từ mảng thép. Theo mảng, doanh thu thép tăng 36% so với cùng kỳ đạt 37,9 nghìn tỷ đồng và đóng góp 95,8% tổng doanh thu (Q2/2023: 94,4%). Các mảng nông nghiệp và BĐS đóng góp lần lượt 3,9% và 0,3%.

Trong Q2/2024, HPG đã bán được tổng cộng 2,51 triệu tấn sản phẩm thép, tăng 39,4% so với cùng kỳ và 20,7% so với quý trước. HSC nhận thấy sự tăng trưởng mạnh mẽ trên hầu hết các ngành hàng (thép xây dựng, phôi thép, tôn mạ và ống thép) ngoại trừ HRC đang bị ảnh hưởng bởi việc bán phá giá sản phẩm HRC Trung Quốc trên toàn cầu.

Theo thị trường, doanh thu nội địa đóng góp 66% tổng doanh thu trong Q2/2024 so với 65% trong Q2/2023 và 60% trong Q1/2024; đây là nhờ nhu cầu thép xây dựng trong nước phục hồi mạnh mẽ trong kỳ. Trong khi đó, doanh thu xuất khẩu đóng góp 34% tổng doanh thu so với 35% trong Q2/2023 và 40% trong Q1/2024.

Tính chung nửa đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt 70,4 nghìn tỷ đồng, tăng 26% so với cùng kỳ và đạt 48% dự báo cho cả năm 2024 của HSC ở mức 146 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 22,4%).

Lợi nhuận được hỗ trợ thêm nhờ tỷ suất lợi nhuận tăng

HPG công bố lợi nhuận gộp Q2/2024 đạt 5,2 nghìn tỷ đồng, tăng 64% so với cùng kỳ và 26% so với quý trước, tương đương tỷ suất lợi nhuận gộp ở mức 13,3%, tăng đáng kể so với mức 10,8% trong Q2/2023 nhưng giảm so với mức 13,5% trong Q1/2024. Lưu ý, trong Q2/2024, HPG đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho 159 tỷ đồng so với 8 tỷ đồng dự phòng trong Q1/2024 và 29 tỷ đồng hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho trong Q2/2023. Nếu loại trừ những tác động này, tỷ suất lợi nhuận gộp từ HĐKD cốt lõi vẫn cải thiện so với quý trước đạt mức 13,7% trong Q2/2024. Kết quả này chủ yếu nhờ sản lượng tiêu thụ tăng cao, dẫn đến công suất hoạt động của các nhà máy tăng.

Chi phí bán hàng & quản lý tăng mạnh 30% so với cùng kỳ và 19% so với quý trước, ở mức 1.136 tỷ đồng do chi phí logistic cho xuất khẩu tăng cao, hậu quả của tình trạng tắc nghẽn cảng Singapore. Tuy nhiên, tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu giảm nhẹ xuống mức 2,9%, so với mức 3,0% trong Q3/2023 và 3,1% trong Q1/2024.

Lỗ tài chính giảm còn 420 tỷ đồng so với 609 tỷ đồng trong Q2/2023, nhưng tăng một chút so với quý trước (309 tỷ đồng trong Q1/2024) do lỗ tỷ giá. Trong Q2/2024, do USD mạnh lên so với VND, HPG ghi nhận lỗ tỷ giá 136 tỷ đồng so với 97 tỷ đồng trong Q2/2023 và 93 tỷ đồng trong Q1/2024. Trong khi đó, chi phí lãi vay giảm mạnh chỉ còn 564 tỷ đồng (giảm 45% so với cùng kỳ và giảm 11% so với quý trước) do lãi suất thấp, mặc dù tổng dư nợ vay tăng lên, chủ yếu là do các khoản nợ dài hạn để tài trợ cho dự án DQSC Giai đoạn 2. Tại thời điểm cuối Q2/2024, tổng dư nợ ngân hàng ở mức 73 nghìn tỷ đồng, tăng 12% so với đầu năm.

Cập nhật về các hoạt động chống bán phá giá

Ngày 30/7/2024, Ủy ban Châu Âu (EC) thông báo cho Việt Nam rằng họ đã nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ yêu cầu điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá (CBPG) đối với sản phẩm HRC nhập khẩu từ Việt Nam. Ủy ban đã không tiết lộ danh tính đơn vị nộp đơn khiếu nại đối với Việt Nam.

Nếu một cuộc điều tra được tiến hành, Ủy ban có thể quyết định chọn một nhóm nhỏ các công ty xuất khẩu để điều tra do số lượng các nhà sản xuất từ Việt Nam khá lớn. Trong năm 2023, Việt Nam đã xuất khẩu tổng cộng 1,13 triệu tấn HRC sang EU so với 400.000 tấn trong năm 2022. Tính riêng HPG, HSC ước tính sản lượng HRC xuất khẩu sang EU của HPG là khoảng 300.000-

350.000 tấn trong năm 2023, lượng xuất khẩu chậm lại gần đây do nhu cầu HRC trong nước phục hồi mạnh mẽ.

Điều này có nghĩa là EC có khả năng sẽ sớm tiến hành một cuộc điều tra CBPG đối với HRC Việt Nam xuất khẩu sang thị trường EU. Việc này nếu xảy ra sẽ làm giảm lượng HRC xuất khẩu (từ HPG và Formosa) sang thị trường EU, tất nhiên tùy thuộc vào mức thuế được áp dụng. HSC tin rằng thị trường trong nước tại Việt Nam sẽ là thị trường thay thế mà cả HPG và Formosa sẽ tập trung vào trong thời gian tới.

Trong khi đó, nếu các biện pháp CBPG đối với HRC nhập khẩu (từ Trung Quốc và Ấn Độ) được thông qua tại Việt Nam, tác động chung vẫn sẽ là tích cực đối với HPG, vì tỷ suất lợi nhuận của HRC tại thị trường trong nước cao hơn so với xuất khẩu và thị trường trong nước là ưu tiên của HPG trong dài hạn.

Duy trì khuyến nghị Mua vào, giá mục tiêu và dự báo

HPG đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 11,8 lần, cao hơn bình quân 5 năm ở mức 10,8 lần. Với triển vọng lợi nhuận tươi sáng với lợi nhuận thuần dự báo tăng trưởng với tốc độ CAGR 3 năm đạt 49%, mức định giá cao hơn này là hợp lý. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 38.600đ (tiềm năng tăng giá: 42%).

Do KQKD nửa đầu năm 2024 sát với dự báo của HSC, chúng tôi giữ nguyên dự báo lợi nhuận năm 2024, với doanh thu thuần đạt 146 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 22,4%) và lợi nhuận thuần đạt 13,7 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 101%).

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	141,409	118,953	145,628	170,701	201,390
Lợi nhuận gộp	16,763	12,938	20,537	26,450	33,569
Chi phí BH&QL	(3,685)	(3,269)	(3,932)	(4,609)	(5,438)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	13,078	9,669	16,605	21,841	28,131
Lãi vay thuần	(3,283)	(2,018)	(1,384)	(2,732)	(3,819)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	(1.07)	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	129	142	72.8	85.4	101
LNTT	9,923	7,793	15,294	19,194	24,413
Chi phí thuế TNDN	(1,479)	(992)	(1,529)	(1,536)	(1,953)
Lợi ích cổ đông thiểu số	39.1	34.7	(50.0)	(64.1)	(81.6)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	8,484	6,835	13,714	17,594	22,379
Lợi nhuận thuần ĐC	8,059	6,493	13,029	16,715	21,260
EBITDA ĐC	19,893	16,443	25,255	32,647	40,556
EPS (đồng)	1,459	1,175	2,144	2,751	3,499
EPS ĐC (đồng)	1,386	1,117	2,037	2,613	3,324
DPS (đồng)	0	0	500	1,000	1,500
Slg CP bình quân (triệu đv)	5,815	5,815	6,396	6,396	6,396
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	5,815	5,815	6,396	6,396	6,396
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	5,815	5,815	6,396	6,396	6,396

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	8,325	12,267	16,642	19,403	34,098
Đầu tư ngắn hạn	26,268	22,162	14,563	17,070	20,139
Phải thu khách hàng	9,893	10,702	14,563	17,070	20,139
Hàng tồn kho	34,491	34,504	42,232	49,503	58,403
Các tài sản ngắn hạn khác	1,538	3,081	5,097	6,828	9,063
Tổng tài sản ngắn hạn	80,515	82,716	93,097	109,875	141,841
TSCĐ hữu hình	83,562	97,886	123,576	132,476	119,881
TSCĐ vô hình	634	211	232	255	281
Bất động sản đầu tư	629	594	567	538	506
Đầu tư dài hạn	0	40.0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0.70	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	4,995	6,335	6,885	8,052	9,483
Tổng tài sản dài hạn	89,821	105,066	131,261	141,321	130,150
Tổng cộng tài sản	170,336	187,783	224,358	251,196	271,991
Nợ ngắn hạn	46,749	54,982	61,164	64,866	70,486
Phả trả người bán	11,107	12,387	14,563	17,070	20,139
Nợ ngắn hạn khác	3,020	2,457	2,346	2,318	2,401
Tổng nợ ngắn hạn	62,385	71,513	80,137	86,675	95,883
Nợ dài hạn	11,152	10,399	20,152	26,870	23,511
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	31.2	30.0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	597	2,948	2,339	2,340	2,342
Tổng nợ dài hạn	11,780	13,378	22,491	29,210	25,853
Tổng nợ phải trả	74,223	84,946	102,629	115,886	121,736
Vốn chủ sở hữu	96,007	102,771	121,614	135,130	149,994
Lợi ích cổ đông thiểu số	106	65.8	116	180	262
Tổng vốn chủ sở hữu	96,113	102,836	121,730	135,310	150,255
Tổng nợ phải trả và VCSH	170,336	187,783	224,358	251,196	271,991
BVPS (đ)	16,511	17,674	19,013	21,126	23,450
Nợ thuần*/(tiền mặt)	49,576	53,114	64,673	72,333	59,900

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	13,078	9,669	16,605	21,841	28,131
Khấu hao	(6,814)	(6,773)	(8,650)	(10,806)	(12,425)
Lãi vay thuần	(3,283)	(2,018)	(1,384)	(2,732)	(3,819)
Thuế TNDN đã nộp	(1,242)	(560)	(1,529)	(1,536)	(1,953)
Thay đổi vốn lưu động	(5,765)	(6,243)	(17,884)	(17,793)	(22,314)
Khác	(3,777)	(3,753)	(2,527)	(3,642)	(4,871)
LCT thuần từ HĐKD	12,192	9,472	5,657	13,147	16,131
Đầu tư TS dài hạn	(17,966)	(17,353)	(34,335)	(19,699)	177
Góp vốn & đầu tư	(53,800)	(38,417)	7,494	(2,532)	(3,100)
Thanh lý	47,055	42,969	111	159	135
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(24,712)	(12,801)	(26,730)	(22,072)	(2,788)
Cổ tức trả cho CSH	(2,247)	(8.01)	(3,198)	(6,396)	(9,594)
Thu từ phát hành CP	4.08	(1.64)	0	0	0
Tăng/giảm nợ	626	7,283	28,646	18,083	10,946
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(1,617)	7,273	25,448	11,686	1,351
Tiền & tương đương tiền đầu kì	22,471	8,325	12,267	16,642	19,403
LCT thuần trong kỳ	(14,137)	3,944	4,375	2,761	14,695
Ảnh hưởng của tỷ giá	(9.64)	(0.73)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	8,325	12,267	16,642	19,403	34,098
Dòng tiền tự do	(5,774)	(7,881)	(28,677)	(6,553)	16,308

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	11.9	10.9	14.1	15.5	16.7
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	14.1	13.8	17.3	19.1	20.1
Tỷ suất LNT (%)	6.00	5.75	9.42	10.3	11.1
Thuế TNDN hiện hành (%)	14.9	12.7	10.0	8.00	8.00
Tăng trưởng doanh thu (%)	(5.53)	(15.9)	22.4	17.2	18.0
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(54.5)	(17.3)	53.6	29.3	24.2
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(75.4)	(19.4)	101	28.3	27.2
Tăng trưởng EPS (%)	(81.1)	(19.4)	82.4	28.3	27.2
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(81.1)	(19.4)	82.4	28.3	27.2
Tăng trưởng DPS (%)	(100)	nm	nm	100	50.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	23.3	36.4	42.9
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	9.09	6.88	12.2	13.7	15.7
ROACE (%)	12.3	8.62	12.7	14.1	16.5
Vòng quay tài sản (lần)	0.81	0.66	0.71	0.72	0.77
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.93	0.98	0.34	0.60	0.57
Số ngày tồn kho	101	119	123	125	127
Số ngày phải thu	29.0	36.8	42.5	43.2	43.8
Số ngày phải trả	32.5	42.6	42.5	43.2	43.8
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	52.5	52.4	53.9	54.3	40.8
Nợ/tài sản (%)	34.5	35.2	36.6	36.9	35.0
EBIT/lãi vay (lần)	3.98	4.79	12.0	7.99	7.37
Nợ/EBITDA (lần)	2.95	4.02	3.26	2.84	2.35
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.29	1.16	1.16	1.27	1.48
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.28	1.59	1.54	1.34	1.06
EV/EBITDA ĐC (lần)	9.13	11.5	8.88	7.03	5.28
P/E (lần)	18.6	23.1	12.7	9.89	7.77
P/E ĐC (lần)	19.6	24.4	13.4	10.4	8.18
P/B (lần)	1.65	1.54	1.43	1.29	1.16
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	1.84	3.68	5.51

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn